

Số: 1989/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 01 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình quan trắc
môi trường tỉnh Hưng Yên năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên (cũ) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1735/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình (cũ) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 410/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Hưng Yên năm 2026 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu: Theo dõi và đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường; cung cấp cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường của tỉnh.

2. Phạm vi, thời gian thực hiện:

- Phạm vi: trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Thời gian: từ tháng 01 năm 2026 đến hết tháng 12 năm 2026.

3. Đối tượng và nội dung quan trắc:

3.1. Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí quan trắc: 69 điểm (*51 điểm tại Quyết định số 489/QĐ-TTg và 18 điểm tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg*).

- Thông số quan trắc (09 thông số): Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn (mức âm tương đương Leq), Độ rung, Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất quan trắc: 06 đợt/năm.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2. Quan trắc chất lượng nước mặt:

- Vị trí quan trắc: 149 điểm (*114 điểm tại Quyết định số 489/QĐ-TTg và 35 điểm tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg*).

- Thông số quan trắc (18 thông số): Nhiệt độ, pH, COD, BOD₅, TSS, DO, NO₃⁻, NO₂⁻, Amoni, PO₄³⁻, Cd, Pb, Zn, Cr⁶⁺, Chất hoạt động bề mặt, Tổng dầu mỡ, CN⁻, Coliform.

- Tần suất quan trắc: 06 đợt/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

3.3. Quan trắc chất lượng nước dưới đất:

- Vị trí quan trắc: 20 điểm (*08 điểm tại Quyết định số 489/QĐ-TTg và 12 điểm tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg*).

- Thông số quan trắc (17 thông số): pH, Độ cứng, Chỉ số permanganat, TDS, NH₄⁺, NO₂⁻, NO₃⁻, Cl⁻, As, Cd, Pb, Fe, Mn, Cr, CN⁻, Tổng Coliform, E.coli.

- Tần suất quan trắc: 04 đợt/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

3.4. Quan trắc chất lượng nước biên ven bờ:

- Vị trí quan trắc: 15 điểm (*tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg*).

- Thông số quan trắc (07 thông số): pH, DO, TSS, NH₄⁺, PO₄³⁻, Dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform.

- Tần suất quan trắc: 06 đợt/năm.



- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

3.5. Quan trắc chất lượng đất:

- Vị trí quan trắc: 35 điểm (32 điểm tại Quyết định số 489/QĐ-TTg và 03 điểm tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg).

- Thông số quan trắc (05 thông số): As, Cd, Pb, Cu, Zn.

- Tần suất quan trắc: 02 đợt/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

3.6. Quan trắc chất lượng trầm tích:

- Vị trí quan trắc: 18 điểm (tại Quyết định số 1735/QĐ-TTg).

- Thông số quan trắc (05 thông số): As, Cd, Pb, Cu, Zn.

- Tần suất quan trắc: 02 đợt/năm.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 43:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

3.7. Mẫu kiểm soát chất lượng (QC) hiện trường: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Hưng Yên năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí và bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Hưng Yên năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{Thìn}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam